

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/DS-ST

Ngày 17/11/2021

V/v Tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ

2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vương Tân Lập, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Thông H và bà Nguyễn Thị L

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Ia, huyện Ia G, tỉnh G (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Khuyên

Địa chỉ: thôn L, xã Ia, huyện Ia G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 17/01/2017 nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị K vay số tiền 100.000.000đ. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 17/01/2017, lãi suất là 1,2%/tháng và bà K có thể chấp cho ông, bà một giấy sang nhượng nhà ở. Trong quá trình vay bà K đã trả tiền gốc cho ông bà nhiều lần tổng cộng là 88.000.000đ. Ngày 07/02/2018 âm lịch, tức ngày 23/3/2018 bà K viết giấy nhận số nợ gốc còn lại là 12.000.000đ và hẹn đến cuối năm 2018 sẽ trả đủ. Tuy nhiên cho đến nay mặc dù ông bà đã yêu cầu bà K trả nợ nhưng

bà K vẫn không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu bà K phải trả số nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2019 cho đến nay.

Toà án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng để bị đơn bà Nguyễn Thị K thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung đề nghị: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 280, 463, 466, và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí, trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn kiện bị đơn trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đã vay theo quy định của pháp luật. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Toà án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt các đương sự theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 17/01/2017 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 100.000.000đ. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 17/01/2017, lãi suất là 1,2%/tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 88.000.000đ, ngày 23/3/2018 các đương sự thống nhất xác nhận lại số nợ còn lại là 12.000.000đ tiền gốc và bị đơn hẹn đến cuối năm 2018 sẽ thanh toán cho nguyên đơn. Tuy nhiên đến hạn bị đơn không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy ngày 05/7/2021 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 12.000.000đ nợ gốc là có căn cứ pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi: Ngày 07/02/2018 âm lịch, tức ngày 23/3/2018 dương lịch bị đơn có xác nhận nợ tiền gốc 12.000.000đ và cam kết trả số tiền này vào cuối năm 2018 cho nguyên đơn. Như vậy trước đó các đương sự xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi nhưng ngày 23/3/2018 đã thỏa thuận lại số nợ gốc còn lại phải trả và thời gian trả nhưng không thỏa thuận mức lãi suất phải trả. Do vậy khi đến hạn bị đơn không trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn như đã cam kết nên theo yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn phải trả lãi theo mức 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là: $12.000.000đ \times 10\%/năm \times \text{thời gian chậm trả}$ (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 17/11/2021) = 3.458.630đ.

[3]. Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật là $12.000.000đ + 3.458.630 = 15.458.630đ$.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định là $15.458.630đ \times 5\% = 772.931đ$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 280, 463, 466, và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thông H và bà Nguyễn Thị L;

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K phải trả cho nguyên đơn ông Bùi Thông H và bà Nguyễn Thị L 12.000.000đ tiền nợ gốc và 3.458.630 tiền lãi, tổng cộng là **15.458.630đ** (*mười lăm triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu **772.931đ** (*bảy trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm ba mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Trả lại

cho ông Bùi Thông H và bà Nguyễn Thị L toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là **441.000đ** (*Bốn trăm bốn mươi một nghìn*) theo biên lai thu số 0012016 ngày 12/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

–

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Như Quang

Nguyễn Thị Mỹ

Đặng Chí Công